Ngày soạn:

**BÀI 2 HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI**

**(Văn bản nghị luận)**

Thời gian thực hiện: 12 tiết

(Đọc: 5.5 tiết, Thực hành tiếng Việt: 01 tiết, Viết: 4 tiết, Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 0.5 tiết)

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về kiến thức:**

-Nhận biết và phân tích được lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

- Xác định và phân tích được tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

- Xác định và phân tích được yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.

- Xác định và phân tích được nhan đề của văn bản nghị luận.

- Xác định và giải thích được nghĩa của từ.

– Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội.

– Chuẩn bị được hành trang và xác định được mục tiêu phấn đấu cho tương lai.

**2. Về năng lực:**

***2.1. Năng lực chung***

– Năng lực tự chủ và tự học: thông qua hoạt động chuẩn bị bài trước ở nhà, hoạt động luyện tập vận dụng.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác: thông qua hoạt động nhóm.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua hoạt động thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết phân tích và đánh giá được một số tác phẩm truyện.

***2.2. Năng lực đặc thù***

***– Năng lực văn học:***

+ Năng lực đọc – hiểu văn bản: Thông qua việc tìm hiểu về đặc điểm của văn bản, HS biết cách phân tích những đặc trưng của thể loại văn bản.

+ Năng lực tạo lập văn bản: Biết cách vận dụng kiến thức để viết một bài văn.

***– Năng lực ngôn ngữ:***

+ Biết lựa chọn ngôn ngữ khi viết một bài văn.

+ Trình bày kết quả học tập một cách tự tin, có sức thuyết phục.

**3. Về phẩm chất:**

– Chăm chỉ thực hiện nhiệm vụ học tập.

– Có trách nhiệm với bản thân, với tập thể, đóng góp công sức của bản thân để hoàn thành mục tiêu học tập.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- SGK, SGV.

- Giấy A0, A4 để các nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm và các mẫu Phiếu học tập.

**C. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:***- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: Em đã có những chuẩn bị cho tương lai của mình hãy chưa? Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp.*

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

**HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG**

**a.Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*.

**b.Nội dung**: GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân quan sát bức ảnh khoa học viễn tưởng về thế giới tương lai và thực hiện những yêu cầu.

**c.Sản phẩm**: Những chia sẻ của học sinh.

**d.Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***- GV yêu cầu HS quan sát bức tranh về khoa học viễn tưởng về thế giới tương lai và trả lời những câu hỏi sau:* Bức tranh thể hiện những hình dung gì về thế giới tương lai?
* Theo em, thế giới tương lai sẽ có gì khác so với hiện tại?
* Mỗi cá nhân và toàn xã hội cần chuẩn bị những hành trang gì để thích nghi với thế giới tương lai đó?

***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***- HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).***\*Bước 3: Báo cáo, thảo luận***- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp.- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).***\*Bước 4:*  Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá. | + Bức tranh thể hiện sự phát triển của thế giới trong tương lai, được thay thế bởi máy móc, công nghệ hiện đại, nhưng kéo theo hệ quả xấu cho môi trường sinh thái.+ Theo em, thế giới tương lai sẽ hiện đại hơn, nhiều máy móc, công nghệ sẽ thay thế dần một số vị trí của con người.+ Mỗi cá nhân và toàn xã hội cần chuẩn bị những hành trang về mặt tri thức và luôn sẵn sàng đối đầu với mọi thách thức. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện và phân tích được lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

- Xác định và phân tích được tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

- Xác định và phân tích được yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản nghị luận.

- Xác định và phân tích được nhan đề của văn bản nghị luận.

- Xác định và giải thích được nghĩa của từ.

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực đặc thù: Đọc, viết.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các văn bản đọc ở các tiết học sau.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***1. Hoạt động giới thiệu tri thức thể loại*****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK*-*GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về đặc điểm của văn bản nghị luận- GV hướng dẫn HS chia lớp thành 4 nhóm.- GV yêu cầu HS xem lại phần chuẩn bị về mục Tri thức ngữ văn và làm việc cá nhân, hoàn thiện hai phiếu học tập:.     Nhóm 1: Chỉ ra tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong VB nghị luận bằng cách hoàn thành Phiếu học tập số 1 theo PHỤ LỤC 1.·     Nhóm 2: Chỉ ra vai trò của yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong VB nghị luận bằng cách hoàn thiệnn Phiếu học tập số 2 theo PHỤ LỤC 1.Nhóm 3*: Nhan đề của văn bản nghị luận giúp ích gì cho bài văn nghị luận.* Nhóm 4*: Xác định và giải thích được nghĩa của từ.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | 1. **Một số tri thức về thể loại văn bản nghị luận**

\* Phiếu học tập số 1- Tính thuyết phục của lí lẽ thể hiện ở chỗ soi chiếu vấn đề trên nhiều khía cạnh, có những cơ sở vững chắc (từ lí thuyết và thực tiễn) để làm điểm tựa  cho lập luận.- Tính thuyết phục của bằng chứng thể hiện ở việc lựa chọn bằng chứng phù hợp, cụ thể, tiêu biểu, xác thực để làm sáng tỏ lí lẽ.- Cách biểu đạt: tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng còn thể hiện ở những cách biểu đạt độc đáo, ấn tượng, giàu tính hùng biện nhằm tác động vào tư tưởng, tình cảm của người đọc.**2. Yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn nghị luận**Yếu tố thuyết minh: cung cấp tri thức về nguồn gốc, cấu tạo, vai trò, ý nghĩa… của đối tượng cần bàn luận.- Yếu tố miêu tả: thể hiện các đặc điểm, tính chất nổi bật của con người, đồ vật, cảnh sinh hoạt…- Yếu tố tự sự: thuật lại các sự việc liên quan đến luận đề, luận điểm, các bằng chứng trong văn bản.=> Mục đích chung: thuyết phục người đọc về ý kiến, quan điểm của người viết.**3. Nhan đề của văn bản nghị luận** Nhan đề của văn bản nghị luận thường khái quát nội dung chính của văn bản. Bên cạnh đó, để tăng sức thuyết phục, người viết có thể chọn những nhan đề độc đáo, khơi gợi cảm xúc nơi người đọc. **4. Cách giải thích nghĩa của từ** - Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ…) mà từ biểu thị. Nghĩa của từ được nhận diện thông qua nhận thức, sự hiểu biết của mỗi người. - Có thể giải thích nghĩa của từ bằng một số cách chính sau đây:+ Phân tích nội dung nghĩa của từ :Ví dụ: **Hắn** (khẩu ngữ): từ dùng để chỉ người ở ngôi thứ ba, với hàm ý coi thường hoặc thân mật. **Hắn** không phải là người tử tế. + Dùng một (hoặc một số) từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích. Ví dụ: *đẫy đà*: to béo, mập mạp *bất chợt*: chợt  *bất an*: không yên ổn+ Đối với từ ghép, có thể giải thích nghĩa của từ bằng cách giải thích từng thành tố cấu tạo nên từ.Ví dụ: *tươi trẻ*: tươi tắn và trẻ trung. *sơn hà*: *sơn* là núi, *hà* là sông, *sơn hà*: núi sông, thường dùng để chỉ đất đai thuộc chủ quyền của một nước.- Khi giải thích từ, cần chú ý đến nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ.+ Nghĩa gốc là nghĩa ban đầu của từ.Ví dụ: Tấm thảm trải sàn này đẹp quá!*Thảm* ở ví dụ trên mang nghĩa gốc, chỉ “hàng dệt bằng sợ to, thường có hàng trang trí, dùng trải trên lối đi, trên sàn nhà”. + Nghĩa chuyển là nghĩa hình thành trên cơ sở nghĩa gốc. **Ví dụ:** Tôi yêu những **thảm** lá vàng tuyệt đẹp ở nơi này.**Thảm** trong trường hợp này là nghĩa chuyển, chỉ “lớp lá cây dày phủ trên mặt đất”. |

**PHỤ LỤC 1:**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** |

|  |
| --- |
| Tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng VB nghị luận |

|  |
| --- |
| Cách biểu đạt............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. |

|  |
| --- |
| Tính thuyết phục của lí lẽ..................................................................................................................................... |

|  |
| --- |
| Tính thuyết phục của bằng chứng....................................................................................................................................... |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2** |

|  |
| --- |
| Phiếu học tập số 2- Yếu tố thuyết minh: …………………………………………………………………..- Yếu tố miêu tả: ……………………………………………………………………….- Yếu tố tự sự:………………………………………………………………………….. |

**Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: MỘT CÂY BÚT VÀ MỘT QUYỂN SÁCH CÓ THỂ THAY ĐỔI THẾ GIỚI**

 **(**Ma-la-la Diu-sa-phdai)

* 1. **Tìm hiểu khái quát**
1. **Mục tiêu:**

- Nhận diện và phân tích được lí lẽ, bằng chứng trong văn bản *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*.

- Xác định và phân tích được tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*.

- Xác định và phân tích được yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*.

**b. Nội dung:**

 HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**

**\* Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**\* Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

 Theo em, một cuốn sách sẽ ảnh hưởng như thế nào tới người đọc? Vì sao?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Giáo dục là ưu tiên hàng đầu đối với mỗi quốc gia. Lý do là bởi vai trò của giáo dục đối với mọi mặt xã hội, mọi lĩnh vực là rất lớn. Nó không chỉ có những tác động tích cực đến cá nhân mỗi người mà còn là cả một tập thể, một thế hệ hơn nữa là cả một thời kỳ, một đất nước. Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về văn bản *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*để hiểu hơn về vai trò của giáo dục đối với thế giới.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**1. **Đọc:**

- GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: *+ Xác định thể loại của văn bản.* *+ Nhan đề của văn bản giúp ích gì cho người đọc?*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**2.Tác giả:** *- GV yêu cầu HS:*  giới thiệu về tác giả *Ma-la-la Diu-sa-phdai.***3.Văn bản** *GV yêu cầu HS:*  giới thiệu về tác phẩm.**Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  | 1. **Đọc hiểu văn bản**

**1.Đọc**- Thể loại: Nghị luận.**-** Nhan đề của tác phẩm cho chúng ta thấy được vai trò và xứ mệnh của việc học quan trọng như thế nào trong đời sống. Nhan đề có ý nghĩa quan trọng trong việc truyền tải phần lớn nội dung của văn bản đến người đọc, người nghe.**2. Tác giả:**- Ma-la-la Diu-sa-phdai là một nhà hoạt động xã hội người Pa-kít-xtan, được nhận giải thưởng Nô -ben Hòa bình năm 2014.- Năm 2012, cô bị các tay súng Ta-li-ban bắn trọng thương do công khai lên tiếng phản đối việc cấm đoán phụ nữ đi học và phá hủy các trường học dành cho trẻ em gái ở Pa-kít-xtan.12/7/2013 - Ma-la-la Diu-sa-phda đã có bài phát biểu tại Liên Hợp Quốc để kêu gọi quyền tiếp cận giáo dục cho trẻ em gái trên toàn cầu. Từ đó, Liên Hợp Quốc chọn ngày 12/7 hàng năm là ngày Ma-la-la để kỉ niệm sự kiện này.**3.Văn bản**- Văn bản được in trong *Những bài diễn văn đã thay đổi thế giới* do Phạm Ngọc Lan dịch.- NXB Quercus Luân Đôn năm 2014.  |

**2.2. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện và phân tích được lí lẽ, bằng chứng trong văn bản *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*.

- Xác định và phân tích được tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới.*

- Xác định và phân tích được yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản *Một cây bút và một quyển sách có thể thay đổi thế giới*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:** **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ****- GV đặt câu hỏi:** - GV yêu cầu HS thảo luận: *+ Trình bày luận điểm và lí lẽ dẫn chứng được tác giả sử dụng nhằm làm sáng tỏ mục đích trong văn bản.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.- HS trình bày sản phẩm. **Bước 3: Báo cáo thảo luận** HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.**\* Nhiệm vụ 2 :****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV đặt câu hỏi: *+**Trình bày mục đích và thái độ của tác giả khi viết văn bản trên.* *+ Các yếu tố tự sự, miêu tả được nêu trong văn bản nhằm mục đích gì?* - HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.- HS trình bày sản phẩm. **Bước 3: Báo cáo thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. → Ghi lên bảng. | **III. Khám phá văn bản****1. *Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng***\* Luận điểm 1: Nêu lí do và khẳng định quyền lợi: - Lí lẽ dẫn chứng: + “Hôm nay là ngày của tất cả mọi phụ nữ, mọi thanh thiếu niên nam nữ đã cất cao tiếng nói để bảo vệ quyền lợi của mình”. + “Tôi cất tiếng – không phải để thét lên, mà để người ta nghe thấy tiếng nói của những người không có tiếng nói.” + “Tôi cao giọng …không có tiếng nói => Nhận xét về cách lập luận: chặt chẽ, đưa ra nhiều lí lẽ và dẫn chứng phù hợp. Việc lặp lại “đó là lí do tại sao” có tác dụng nhấn mạnh cách bằng chứng được nêu ra. Cách đưa ra quan điểm kiểu này khơi gợi cho người đọc những liên tưởng và khiến họ cảm thấy sự đúng đắn cho vấn đề được nêu ra ở sau.\* Luận điểm 2: Đưa ra các nguyên nhân nhằm thuyết phục người đọc, người nghe. + “Ở Ấn Độ, nhiều em bé vô tội và nghèo khổ vẫn là nạn nhận của tệ lạm dụng lao động trẻ em.” + “Ở Nigeria, nhiều trường học bị tàn phá.” + Người dân ở Áp-ga-nít-xtan suốt nhiều thập kỉ qua đã phải chịu thiệt thòi vì những rào cản của chủ nghĩa cực đoan.+ … =>Hệ thống lí lẽ kèm dẫn chứng hợp lí, rõ ràng để chứng minh. Những dẫn chứng mà tác giả lấy chủ yếu là những thực trạng tồi tệ mà chiến tranh, đói nghèo, bất công… gây ra cho con người. Cách biểu đạt độc đáo đã tác động vào tư tưởng, tình cảm của người đọc.\* Luận điểm 3: Lời kêu gọi- Lí lẽ dẫn chứng: + “Chúng tôi kêu gọi các nhà lãnh đạo thế giới rằng tất cả các thỏa thuận hòa bình phải hướng đến bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em […].+ “Chúng tôi kêu gọi tất cả các chính phủ hãy đảm bảo giáo dục bắt buộc miễn phí cho tất cả các trẻ em trên toàn thế giới. + …. ***2. Mục đích và thái độ của tác giả.*** - Mục đích: Văn bản viết ra nhằm đòi quyền lợi được đi học của các bé gái, quyền được sống trong một đất nước hòa bình và bình đẳng.- Thái độ: Tác giả đã bày tỏ thái độ quyết liệt, mạnh mẽ cùng sự đồng cảm giữa con người với người làm nổi bật ý chí và mục đích của văn bản.- Các yếu tố tự sự, miêu tả (nếu có) được nêu trong văn bản nhằm mục đích:+ Tái hiện rõ nét đời sống, thực trạng của con người đang khốn khó và khổ cực như thế nào trong hiện tại. + Làm nổi bật các luận điểm, luận cứ giúp người đọc, người nghe dễ dàng nắm bắt. + Giúp cho văn bản trở nên hấp dẫn và thu hút người đọc, người nghe.  |

**2.3. Tổng kết**

1. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
2. **Nội dung**: Học sinh khái quá giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi: Nêu nội dung và nghệ văn bản nghị luận trên.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu:*+ Hãy rút ra nội dung chính của văn bản.* *+ Khái quát đặc điểm thể loại thông qua văn bản và rút ra cách đọc.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.- HS trình bày sản phẩm. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết****1.Khái quát các giá trị nổi bật của văn bản về nội dung và nghệ thuật****a.Nội dung**  **Lời kêu gọi của Ma-la-la trước toàn thế giới để đấu tranh cho quyền đi học của các bé gái, quyền được sống trong một đất nước hòa bình và bình đẳng.****b. Nghệ thuật**- Văn phong tao nhã, cách cảm nhận tinh tế của một cây bút giàu trí tuệ, tổng hợp từ vốn hiểu biết sâu rộng đã làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của văn bản nghị luận. - Hệ thống lí lẽ, dẫn chứng chặt chẽ, có sức thuyết phục cao. **2. Khái quát đặc điểm thể loại thông qua văn bản và rút ra cách đọc hiểu loại văn bản:**- Chú ý tìm ra các luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng để thấy được sự liên kết của văn bản.- Cần hiểu được mục đích và đối tượng hướng đến của văn bản.+ Lập luận chặt chẽ. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

*Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về điều bản thân cần làm để tuổi trẻ có ý nghĩa***.**

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**- GV đặt câu hỏi: yêu cầu học sinh t*riển khai vấn đề nghị luận.*- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS thảo luận và tìm các luận điểm.- HS trình bày sản phẩm. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  | Có thể theo hướng sau: - Tuổi trẻ là giai đoạn thanh xuân, là quãng đời đẹp đẽ, có ý nghĩa nhất của đời người… Song thời gian là một dòng chảy thẳng, tuổi trẻ sẽ dần qua đi. Mặt khác, ở độ tuổi này, chúng ta dễ đối mặt với phải nhiều cám dỗ cuộc đời. - Vây phải làm gì để tuổi trẻ có ý nghĩa?+ Trau dồi kiến thức, hiểu biết.+ Bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách; sống có ước mơ, lí tưởng.+ Tích cực tham gia hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện.+ Dành thời gian quan tâm đến gia đình, đến những người thân yêu.+ Biết hưởng thụ cuộc sống, quan tâm đến bản thân.+ Từ đó phê phán những người sống uổng phí tuổi trẻ và rút ra bài học cho bản thân. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*  *Viết bài văn* *trình bày ý kiến của em về vai trò của tri thức trong tương lai.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

1. **Củng cố:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp****đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.- Hấp dẫn, sinh động.- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học.- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. | - Báo cáo thực hiện công việc.- Phiếu học tập.- Hệ thống câu hỏi và bài tập.- Trao đổi, thảo luận. |  |

**Ngày soạn: ......**

**BÀI 2: HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI**

**Tiết …. VĂN BẢN 2: NGƯỜI TRẺ VÀ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỈ XXI**

**(Đỗ Thị Ngọc Quyên, Nguyễn Đức Dũng)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận diện và phân tích được lí lẽ, bằng chứng trong văn bản *Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI*.

- Xác định và phân tích được tính thuyết phục của lí lẽ, bằng chứng trong văn bản *Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI*.

- Xác định và phân tích được yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản *Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI*.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

**3. Về phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Tìm kiếm và xác định mục tiêu phấn đấu trong tương lai.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Tranh ảnh.

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, bút dạ, giấy A0.

**2. Học liệu**

- KHBD, SGK, SGV, SBT.

- PHT số 3,4.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**- Gv chuyển giao nhiệm vụ+ Bạn quan tâm điều gì về tương lai? + Bạn đã trau dồi những kĩ năng gì để chuẩn bị cho tương lai của chính mình?- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS quan sát, lắng nghe.- GV quan sát.**B3. Báo cáo thảo luận:** - Gv tổ chức hoạt động.- Hs trả lời câu hỏi.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài. | - Em quan tâm sau này mình sẽ trở thành người thế nào, điều gì sẽ xảy ra trong tương lai?- Để chuẩn bị cho tương lai, em đã chăm chỉ học tập và trau dồi các kĩ năng tin học, làm việc … |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc văn bản và tìm hiểu chung về văn bản.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ****1. Đọc:** **2. Tác giả****3. Tác phẩm**- GV chuyển giao nhiệm vụ+ Hướng dẫn cách đọc văn bản.+ Xác định thể loại, phương thức biểu đạt và tóm tắt văn bản. - HS tiếp nhận nhiệm vụ.**B2. Thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.- GV quan sát, gợi mở.**B3. Báo cáo thảo luận**- HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm- GV quan sát, hỗ trợ.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.Tóm tắt: Thế kỉ XXI – thế kỉ toàn cầu hóa sâu rộng, thế giới đã trở nên “phẳng” và “ảo” với mạng Internet và các ứng dụng công nghệ truyền thông. Chúng ta cần nắm vững kiến thức cốt lõi của ngành, kiến thức của các ngành gần, ngành liên quan vì thế giới hiện đại không thể chia tách các ngành, các lĩnh vực, mà chúng tồn tại ràng buộc, lệ thuộc, tương tác với nhau. Thêm nữa, các vấn đề xã hội hiện đại đòi hỏi các giải pháp liên ngành, do vậy kiến thức liên ngành ngày càng trở nên quan trọng. Vì vậy, chúng ta không chỉ nắm vững kiến thức cốt lõi của ngành mà còn hiểu biết về kiến thức của các ngành gần, ngành liên quan. | **I. Tìm hiểu chung****1. Tác giả**- Đỗ Thị Ngọc Quyên.- Nguyễn Đức Dũng.**2. Văn bản** - **Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:** Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI trích từ trang web của Bộ Khoa học và Công nghệ, ngày 9/9/2021.[**https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/20614/cong-nghe-ai-cua-hien-tai-và-tuong-lai.aspx**](https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/20614/cong-nghe-ai-cua-hien-tai-v%C3%A0-tuong-lai.aspx))- Thể loại: Văn bản nghị luận.- Phương thức biểu đạt: nghị luận, thuyết minh.- Bố cục: 3 phần+ Phần 1: Từ đầu đến “kỉ nguyên bất định ở thế kỉ XXI” : Giới thiệu về bối cảnh và hành trang tri thức mà người trẻ cần chuẩn bị. + Phần 2: Tiếp đến “để ứng phó với bất định”: Chuẩn bị hành trang về kĩ năng.+ Phần 3: Tiếp đến hết: Chuẩn bị hành trang về thái độ. |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của văn bản nghị luận.

- Biết xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản và mối liên hệ giữa các yếu tố ấy; biết phân tích được sự phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề; biết phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố trong văn bản nghị luận.

- Biết xác định yếu tố thuyết minh và nêu tác dụng của yếu tố trong văn bản.

- Chỉ ra được mục đích và thái độ của người viết được thể hiện trong văn bản.

- Bày tỏ thái độ, cách đánh giá đối với vấn đề nghị luận.

- Biết liên hệ với bản thân, trân trọng vấn đề gợi ra từ tác phẩm.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản và mối liên hệ giữa các yếu tố ấy.****B1. Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chuyển giao nhiệm vụXác định luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản và mối liên hệ giữa các yếu tố ấy. (Gv kết hợp sử dụng PHT số 3, Hs làm việc nhóm)- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**B2. Thực hiện nhiệm vụ**- GV quan sát, gợi mở.- HS thảo luận.**B3. Báo cáo thảo luận**- GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm.- HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.**Nhiệm vụ 2: Yếu tố thuyết minh và tác dụng****B1. Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chuyển giao nhiệm vụ.Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của yếu tố thuyết minh trong văn bản.(Hs làm việc nhóm đôi).- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**B2. Thực hiện nhiệm vụ**- GV quan sát, gợi mở.- HS thảo luận.**B3. Báo cáo thảo luận**- GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm.- HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.**Nhiệm vụ 3: Mục đích và thái độ của người viết** **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chuyển giao nhiệm vụ: Bạn hãy chỉ ra mục đích và thái độ của người viết được thể hiện trong văn bản. (Hs làm việc cá nhân).- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**B2. Thực hiện nhiệm vụ**- GV quan sát, gợi mở.- HS theo dõi văn bản thực hiện nhiệm vụ.**B3. Báo cáo thảo luận**- GV gọi HS báo cáo sản phẩm.- HS báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.- GV mở rộng:1. Bạn có đồng ý với “thái độ phù hợp với sự bất định” được trình bày ở đoạn cuối của văn bản không? Vì sao?2. Trong “Khung kĩ năng thế kỉ XXI”, những kĩ năng nào bạn thấy bản thân cần trau dồi thêm? Bạn sẽ làm gì để hình thành, phát triển các kĩ năng ấy? | **II. Khám phá văn bản****1. Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản và mối liên hệ giữa các yếu tố ấy.****a. Hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng**- Luận đề: Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI- Luận điểm: \* Luận điểm 1. Người trẻ cần chuẩn bị hành trang tri thức.- Lí lẽ: + Kiến thức cốt lõi của ngành là quan trọng và tất yếu.+ Khối kiến thức chung cũng quan trọng.+ Khối các môn học cần có là tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ toàn cầu...- DC: Giải pháp liên ngành đã trở nên hiển hiện nhất trong đại dịch Covid-19. Trong lúc nước sôi lửa bỏng, chống dịch cấp quốc gia và trên toàn cầu là bài toán không thể giải chỉ bằng các mô hình dịch tễ hay các giải pháp y tế, mà còn đòi hỏi các tính toán về công bằng, an sinh xã hội, về tâm lí xã hội và cách tiếp cận cộng đồng.\* *Luận điểm 2*. Người trẻ cần chuẩn bị hành trang về kĩ năng.+ Thiếu kĩ năng làm việc là vấn đề.+ Ba khối kĩ năng trọng yếu cho sinh viên.- DC: “Khung kĩ năng của thế kỉ XXI” là chỉ dẫn giúp thu hẹp khoảng cách giữa việc đào tạo ở đại học với nhu cầu của doanh nghiệp.\* Luận điểm 3. Người trẻ cần chuẩn bị hành trang về thái độ.- Lí lẽ: + Thái độ là hành trang không thể thiếu.+ Thái độ mà người trẻ cần có: sẵn sàng, chủ động, có sự chuẩn bị, thay vì hoang mang sợ hãi, nghi hoặc.- DC: Có thể thấy trong khung kĩ năng của công dân thế kỉ XXI đã ẩn chứa một phần thái độ mà những người trẻ cần có.**b. Mối quan hệ giữa các yếu tố**- Các luận điểm trong bài văn nghị luận cần được liên kết chặt chẽ với nhau, nhưng cũng phải rành mạch, không trùng lặp. - Luận điểm nêu trước chuẩn bị cơ sở cho luận điểm nêu sau để dẫn tới kết luận. - Lí lẽ và bằng chứng chứng minh cho luận điểm, luận điểm chứng minh cho luận đề.**2. Yếu tố thuyết minh và tác dụng**- Yếu tố thuyết minh: khối các môn học cốt lõi mà sinh viên...; khối kiến thức chung liên ngành bao gồm: Hiểu biết...=> cung cấp tri thức về nguồn gốc, cấu tạo, vai trò, ý nghĩa của việc cần phải có những hành trang vào thế kỉ XXI.**3. Mục đích và thái độ của người viết**- Mục đích: Khẳng định sự bất định của thế giới trong tương lai và nhắc nhở người trẻ về việc chuẩn bị những hành trang (tri thức, kĩ năng, thái độ) cho thế kỉ mới. - Thái độ: kiên quyết, mạnh mẽ và dứt khoát. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh.

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chuyển giao nhiệm vụ.Nhận xét về nội dung, nghệ thuật của văn bản.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - GV quan sát, hướng dẫn.- HS suy nghĩ.**B3. Báo cáo thảo luận:** - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm.- HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức**Cách tổng kết 2** **PHT số 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Những điều em nhận biết và làm được** | **Những điều em còn băn khoăn** |
|  |  |

 | **III. Tổng kết****1. Nội dung**- Văn bản đề cập đến những hành trang cần thiết mà người trẻ cần chuẩn bị cho thế kỉ XXI.**2. Nghệ thuật**- Sử dụng vốn từ ngữ, sự hiểu biết sâu rộng đã làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của văn bản nghị luận.- Hệ thống lí lẽ, dẫn chứng chặt chẽ, có sức thuyết phục cao. |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

Luận đề

Lí lẽ - DC

Lí lẽ - DC

Lí lẽ - DC

Luận điểm 2

Luận điểm1

Luận điểm 3

Luận điểm 4

Lí lẽ - DC

Luận đề: Người trẻ cần mang theo những hành trang gì để bước vào thế kỉ XXI?

Luận điểm 3: Hành trang thái độ

Lí lẽ -DC

+ Thiếu kĩ năng làm việc là vấn đề

+ Ba khối kĩ năng trọng yếu cho sinh viên.

- DC: “Khung kĩ năng của thế kỉ XXI” là chỉ dẫn giúp thu hẹp khoảng cách giữa việc đào tạo ở đại học với nhu cầu của doanh nghiệp.

Lí lẽ - DC

+ Thái độ là hành trang không thể thiếu.

+ Thái độ mà người trẻ cần có: sẵn sàng, chủ động, có sự chuẩn bị, thay vì hoang mang sợ hãi, nghi hoặc.

- DC: Có thể thấy trong khung kĩ năng của công dân thế kỉ XXI đã ẩn chứa một phần thái độ mà những người trẻ cần có.

Lí lẽ - DC

- Kiến thức cốt lõi của ngành là quan trọng và tất yếu.

- Khối kiến thức chung cũng quan trọng.

- Khối các môn học cần có là tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ toàn cầu...

DC: Giải pháp liên ngành đã trở nên hiển hiện nhất trong đại dịch Covid-19. Trong lúc nước sôi lửa bỏng, chống dịch cấp quốc gia và trên toàn cầu là bài toán không thể giải chỉ bằng các mô hình dịch tễ hay các giải pháp y tế, mà còn đòi hỏi các tính toán về công bằng, an sinh xã hội, về tâm lí xã hội và cách tiếp cận cộng đồng.

Luận điểm 2: Chuẩn bị hành trang về kĩ năng.

Luận điểm1: Chuẩn bị hành trang tri thức

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Làm bài tập trắc nghiệm.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chuyển giao nhiệm vụ.GV tổ chức trò chơi ngôi sao may mắn.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở- HS thực hiện nhiệm vụ;**B3. Báo cáo thảo luận**- Gv tổ chức hoạt động, gọi hs trả lời.- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Câu 1: Văn bản “Người trẻ và những hành trang vào thế kỉ XXI” là của tác giả nào?**A. Đỗ Thị Ngọc QuyênB. Nguyễn Đức DũngC. Cả hai đáp án trên đều đúngD. Cả hai đáp án trên đều sai**Câu 2: Theo tác giả bài viết thì giới trẻ cần chuẩn bị những gì cho thế kỉ XXI?**A. Trang bị tri thứcB. Kĩ năngC. Thái độD. Tất cả các đáp án trên**Câu 3: Vì sao chúng ta cần phải nắm bắt kiến thức các ngành gần, các nhà liên quan?**A. Vì thế giới hiện đại không thể tách các ngành, các lĩnh vựcB. Tất cả chúng có sự ràng buộc, lệ thuộc, tương tác với nhauC. Các vấn đề hiện đại đòi hỏi các giải pháp liên ngànhD. Tất cả các đáp án trên**Câu 4: Theo tác giả, trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng, thế giới đã trở nên thế nào?**A. Phẳng và ảo với mạng internet cùng các ứng dụng công nghệ truyền thôngB. Sự bất định lan truyền với tốc độ chóng mặt và xảy ra trên quy mô lớnC. Cả hai đáp A và BD. Cả hai đáp án trên đều sai**Câu 5: Câu chuyện liên ngành được chứng thực nhất khi nào?**A. Đại dịch Covid-19B. Trong cuộc chiến trong HIVC. Trong cuộc chiến chống ma túyD. Tất cả đáp án trên**Câu 6: Chống dịch Covid-19 là bài toán nan giải cần có các giải pháp nào?**A. Mô hình dịch tễ, y tế bài toán về công bằng, an sinh xã hội, về tâm lí xã hội và cách tiếp cận cộng đồngB. Có hệ thống dịch tễ và phương pháp y tế hiện đạiC. Sản xuất thuốc điều trị Covid-19D. Tất cả các đáp án trên**Câu 7: Tổ chức Partnership for 21st Century skills gọi tắt là gì?**A. P20B. P21C. P22D. P23**Câu 8: Khung kĩ năng của thế kỉ XXI cần có bộ kĩ năng nào?**A. Bộ kĩ năng sống và làm việcB. Bộ kĩ năng học tập và sáng tạoC. Bộ kĩ năng ICT (công nghệ, truyền thông, thông tin)D. Tất cả các đáp án trên**Câu 9: Để xây dựng thành công các bộ kĩ năng cần có sự chuẩn bị như thế nào?**A. Môi trường học tập, phát triển nghề nghiệpB. Chương trình giáo dục và phương pháp sư phạmC. Các bộ chuẩn và đánh giáD. Tất cả các đáp án trên**Câu 10: Theo tác giả khối các môn học cốt lõi mà sinh viên trong thế kỉ XXI cần có là gì?**A. Tiếng mẹ đẻ, tiếng Anh, Nhân vănB. Toán, kinh tế, khoa học, địa lí, lịch sửC. Quản lí nhà nướcD. Tất cả các đáp án trên |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (HS làm ở nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn.

**c. Sản phẩm:** đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ.

Đề bài: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ về việc cần thiết phải chuẩn bị hành trang khi bước vào thế kỉ XXI.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.

- HS thực hiện nhiệm vụ;

**B3. Báo cáo thảo luận**

- Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày sản phẩm

- Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:**

Ngày soạn:

**BÀI 2: HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI**

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết …: GIẢI THÍCH NGHĨA CỦA TỪ**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Về kiến thức:** Hiểu được nghĩa của từ và cách sử dụng.

## **2. Về năng lực:**

## *- Năng lực đặc thù:* ***Giải thích được nghĩa của từ.***

**- Năng lực chung: NL giao tiếp và hợp tác:** Thể hiện qua hoạt động làm việc cặp đôi ở hoạt động *Tìm hiểu tri thức tiếng Việt* và nhóm ở hoạt động *Luyện tập*.

**3. Về phẩm chất**:

- Chăm chỉ luyện tập kĩ năng thực hành tiếng Việt.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

* Máy chiếu, micro, bảng, phấn.
* SGK, SGV.
* PHT.
* Bảng kiểm.

**2. Học liệu:**

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:** Kiến thức ở phần Tri thức Ngữ văn

**3. Bài mới: Thực hành Tiếng Việt:** Giải thích nghĩa của từ

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- Kích hoạt được hiểu biết nền liên quan đến nội dung bài học.

- Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ HT tiếng Việt cần thực hiện.

**b. Nội dung:** Giải thích nghĩa của từ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời miệng của HS về nhiệm vụ HT tiếng Việt cần thực hiện

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| B1. Chuyển giao nhiệm vụ * **GV tổ chức hoạt động tìm hiểu kiến thức:** GV tổ chức hoạt động NỐI – GHÉP các cách giải thích nghĩa của từ.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.**B3. Báo cáo thảo luận:** Theo định nghĩa của từ tượng hình và tượng thanh.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài ngày hôm nay, Thực hành tiếng Việt trang 45. | Các cách giải thích nghĩa của từ **1. Phân tích nội dung nghĩa của từ** Chỉ ra phạm vi sử dụng, loại từ, khả năng kết hợp của từ, chú ý đến sự khác nhau của các từ đồng nghĩa.**2. Dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa** Tìm các từ đồng nghĩa tương đương, dễ hiểu hơn từ cần giải thích. Có thể tìm thêm các từ trái nghĩa. Có thể nói thêm sự khác biệt về sắc thái nghĩa và cách dùng các từ.**3. Giải nghĩa các thành tố trong từ** Tách từng yếu tố để định nghĩa. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**NHẬN BIẾT.... (Kiến thức Tiếng Việt được học)**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định và phân tích được nghĩa của từ.

- Giải thích được nghĩa của từ cần giải thích.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. NHẬN BIẾT....**  |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**- GV đặt câu hỏi:*+ Nghĩa của từ là gì?*+ Có thể giải thích nghĩa của từ bằng cách nào?- HS nhận nhiệm vụ.**B2. Thực hiện nhiệm vụ****-** HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.- HS thực hiện nhiệm vụ.**B3. Báo cáo thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | \* **Cách giải thích nghĩa của từ**- Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ…) mà từ biểu thị. Nghĩa của từ được nhận diện thông qua nhận thức, sự hiểu biết của mỗi người.- Có thể giải thích nghĩa của từ bằng một số cách chính sau đây:+ Phân tích nội dung nghĩa của từ bằng một số cách chính sau đây:**Ví dụ:** **Hắn** (khẩu ngữ): từ dùng để chỉ người ở ngôi thứ ba, với hàm ý coi thường hoặc thân mật. **Hắn** không phải là người tử tế.+ Dùng một (hoặc một số) từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích.**Ví dụ:** *đẫy đà*: to béo, mập mạp           *bất chợt:* chợt           *bất an*: không yên ổn+ Đối với từ ghép, có thể giải thích nghĩa của từ bằng cách giải thích từng thành tố cấu tạo nên từ.**Ví dụ**: *tươi trẻ*: tươi tắn và trẻ trung.           *sơn hà:* *sơn* là núi, *hà* là sông, *sơn hà*: núi sông, thường dùng để chỉ đất đai thuộc chủ quyền của một nước.- Không giải thích từ, cần chú ý đến nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ.+ Nghĩa gốc là nghĩa ban đầu của từ.**Ví dụ:** Tấm thảm trải sàn này đẹp quá!Thảm ở ví dụ trên mang nghĩa gốc, chỉ “hàng dệt bằng sợ to, thường có hàng trang trí, dùng trải trên lối đi, trên sàn nhà”.+ Nghĩa chuyển là nghĩa hình thành trên cơ sở nghĩa gốc.**Ví dụ:** Tôi yêu những**thảm** lá vàng tuyệt đẹp ở nơi này.**Thảm**trong trường hợp này là nghĩa chuyển, chỉ “lớp lá cây dày phủ trên mặt đất”. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS củng cố, mở rộng kiến thức đã học về cách giải thích nghĩa của từ.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời các câu hỏi liên quan đến cách giải thích nghĩa của từ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. THỰC HÀNH** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Luyện tập về cách giải thích nghĩa của từ.- GV yêu cầu HS làm những bài tập sau:**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** **-** HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.- HS thực hiện nhiệm vụ.**B3. Báo cáo thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. → Ghi lên bảng. | **Bài 1:**a. *quyền lợi*: Quyền lợi là Quyền được hưởng những lợi ích về chính trị xã hội, về vật chất, tinh thần do kết quả hoạt động của bản thân tạo nên hoặc do phúc lợi chung.->  Giải thích nghĩa bằng cách: phân tích nội dung nghĩa của từ.b. *giáo dục*: Giáo dục là hình thức học tập theo đó kiến thức, kỹ năng, được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác thông qua giảng dạy, đào tạo, hay nghiên cứu.->  Giải thích nghĩa bằng cách: phân tích nội dung nghĩa của từ.c. *hiểu biết*: Biết rõ, hiểu thấu.--> Giải thích nghĩa bằng cách: dùng một số từ đồng nghĩa và trái nghĩa với từ cần giải thích.d. *chiến thắng*: chiến đấu hoặc trong một cuộc thi đấu thể thao chiến thắng giặc ngoại xâm giành chiến thắng chung cuộc.->  Giải thích nghĩa bằng cách: phân tích nội dung nghĩa của từ.**Bài 2:**a. Trong các nghĩa của từ “quả”, 1. nghĩa  bộ phận của cây do bầu nhụy hoa phát triển mà thành, bên trong chứa hạt. *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây* (tục ngữ) là nghĩa gốc.Nghĩa chuyển là 2. Từ dùng để chỉ từng, đơn vị những vật có hình giống như quả cây: quả bóng, quả trứng gà, quả lựu đạn, quả tim,... 3. Đồ để đựng bằng gỗ, hình hộp tròn, bên trong chia thành nhiều ngăn có nắp đậy: quả trầu. Bưng quả đồ lễ. 4. (kết hợp hạn chế, dùng đi đôi với nhận), Kết quả (nói tắt), Có nhân thì có quả, Quan hệ giữa nhân và quả. 5. (khẩu ngữ) Món lợi thu được trong làm ăn, buôn bán; thắng quả; trúng quả; thua liền mấy quả.b. Các nghĩa của từ “quả” được giải thích theo cách Giải thích nghĩa bằng cách: dùng một số từ đồng nghĩa và trái nghĩa với từ cần giải thích và phân tích nội dung nghĩa của từ.**Bài 3:**Phần giải thích nghĩa của từ đả kích và khép nép đúng còn phần giải thích nghĩa của từ trắng thì thiếu do trắng có nhiều nghĩa có thể hiểu như  có màu sáng, phân biệt với những cái cùng loại mà sẫm màu hoặc có màu khác hoàn toàn không có hoặc không còn gì cả. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG: TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT**

**a. Mục tiêu:** Học sinh thực hành viết đoạn văn và giải nghĩa từ.

**b. Nội dung:** HS viết đoạn và thực hành giải nghĩa.

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập** Giáo viên giao nhiệm vụ***Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày một mục tiêu của bạn trong tương lai và những giải pháp để đạt được mục tiêu ấy. Hãy giải thích nghĩa của hai từ ngữ trong đoạn văn và cho biết bạn đã giải thích theo cách nào.*** Học sinh thảo luận và thực hiện.**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**Học sinh thực hiện trình bày, thuyết trình.**Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh trình bày phần bài làm của mình.**Bước 4. Kết luận, nhận định**GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo.  | Bài làm của học sinhTham khảo bài làm ở phụ lục Dàn ý tham khảo**1. Mở đoạn:** Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: mục tiêu sống (học sinh tự lựa chọn cách viết mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp cho bài làm văn của mình tùy thuộc vào khả năng của từng người).**2. Thân đoạn:****a. Giải thích**Mục tiêu sống: những suy nghĩ, hành động tích cực của con người, hướng đến những điều tốt đẹp và cao cả.Mục tiêu sống ảnh hưởng quan trọng đến suy nghĩ và hành động của con người đặc biệt là các bạn thanh niên hiện nay.**b. Phân tích**- Biểu hiện của người sống có mục tiêu:Biết phấn đấu, vươn lên trong cuộc sống của mình, nỗ lực hết sức để mong muốn đạt được những thành tựu cho riêng mình.Khi vấp ngã không chán nản, buông xuôi mà tìm cách đứng dậy sau vấp ngã để đi tiếp con đường mình đã chọn.- Lợi ích của việc sống có mục tiêu:Mang đến cho con người những thành quả sau bao nỗ lực, cố gắng.Giúp chúng ta tôi luyện những phẩm chất quý giá: chăm chỉ, cần cù, lạc quan.Khiến chúng ta được người khác yêu thương, tin tưởng và học tập theo.**c. Chứng minh**Học sinh lấy dẫn chứng về những người trẻ sống có lí tưởng, có mục tiêu nổi bật, tiêu biểu mà được nhiều người biết đến.**d. Phản biện**Trong xã hội vẫn còn nhiều người sống không có ước mơ, hoài bão, vô cảm hoặc có ước mơ nhưng không cố gắng thực hiện mà chỉ hão huyền, viển vông về một cuộc sống tốt đẹp hơn → những người này đáng bị phê phán, chỉ trích.**3. Kết đoạn**: Khái quát lại tầm quan trọng của mục tiêu sống, đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân. |

**4. Củng cố: GV** hệ thống lại nội dung bài học.

**5. HDVN:** HS soạn phần đọc mở rộng theo thể loại *Hình tượng con người chinh phục thế giới trong “Ông già và biển cả”****.***

**BÀI 2: HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI (Văn bản nghị luận)**

**VĂN BẢN 3: (Đọc kết nối chủ điểm)**

**CÔNG NGHỆ AI CỦA HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI**

**A. MỤC TIÊU**

**1: Về kiến thức:**

- Nhận diện và phân tích được thể loại của văn bản.

- Phân tích, tổng hợp các thông tin, kiến thức từ văn bản.

- Xác định và phân tích được yếu tố thuyết minh, miêu tả, tự sự trong văn bản *Công nghệ AI của hiện tại và tương lai.*

**2.Về năng lực:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

**3.Về phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Tìm kiếm và xác định mục tiêu phấn đấu trong tương lai.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Một số tranh ảnh có trong SGK được phóng to.

- Tranh ảnh, tài liệu nghe nhìn liên quan đến trích đoạn: máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh tư liệu liên quan.

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- Phiếu học tập : GV có thể chuyển một số câu hỏi (ở khâu trước khi đọc, sau khi đọc) trong SGK thành phiếu học tập.

- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm, rubric chấm bài viết, bài trình bày của HS.

**2. Học liệu:**  SGK, SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

**b. Nội dung: N**êu những vấn đề cơ bản tạo tâm thế cho HS tiếp thu, hình thành kiến thức mới.

**c. Sản phẩm:** Hệ thống câu hỏi gợi mở, bảng biểu, clip, đạo cụ, tranh ảnh, trò chơi...

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**GV yêu cầu HS quan sát và ghi nhận thông tin về một đoạn clip ghi nhận những phát triển vượt bậc của công nghệ AI hiện nay và đặt ra câu hỏi “Theo em, do đâu mà công nghệ AI ngày càng phát triển? Đó có phải là một dấu hiệu tốt cho sự phát triển của nhân loại?”**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi và ghi nhận thông tin từ đoạn clip.**B3. Báo cáo thảo luận:** Thảo luận nhóm đôi và đưa ra ý kiến đóng góp cho tiết học.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá trên tinh thần tiếp nhận các ý kiến, suy nghĩ của HS.GV dẫn dắt vào bài học mới. | - Phần thảo luận và trả lời của HS. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2. Khám phá văn bản**

1. **Mục tiêu:** Nắm được thông tin văn bản truyền tải về công nghệ AI trong hiện tại và tương lai. Biết khái quát nội dung chính của văn bản bằng một đoạn văn hoặc sơ đồ. Đồng thời, hiểu được những thông điệp mà văn bản muốn truyền tải.
2. **Nội dung:** Chú trọng kĩ năng tổng hợp và phân tích thông tin văn bản đưa ra nhằm giúp HS giải quyết nhóm câu hỏi của phần sau khi đọc.
3. **Sản phẩm:** Đọc hiểu văn bản theo đúng các yêu cầu cần đạt.
4. **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**GV yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ và trả lời các câu hỏi của phần sau khi đọc.- Tổ 1: câu 1- Tổ 2: câu 2- Tổ 3: câu 3- Tổ 4: câu 4- GV lưu ý học sinh trả lời câu hỏi Sau khi đọc cần bám sát tri thức Ngữ Văn đã học về đặc trưng thể loại văn bản thông tin.**B2. Thực hiện nhiệm vụ**HS thảo luận theo sự hướng dẫn của GV.**B3. Báo cáo thảo luận**GV mời HS đại diễn của mỗi nhóm trình bày phần trả lời câu hỏi. Các nhóm khác lắng nghe và bổ sung ý kiến.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**GV chốt ý kiến và nhận xét. | **Câu 1:**Công nghệ AI là công nghệ được quan tâm phát triển bậc nhất hiên nay, được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực, ngày càng phổ biến và ứng dụng rộng rãi. AI là công nghệ sử dụng kĩ thuật số, nổi bật là năng lực tự học có thể tự phân tích, phán đoán trước các dữ liệu mới mà không cần sự hỗ trợ của con người và có khả năng tự thích nghi.... Từ những dự đoán về ứng dụng công nghệ AI mà các nhà nghiên cứu, doanh nghiệp, khởi nghiệp và chính phủ có thể định hướng mục tiêu phát triển trong tương lai như hỗ trợ hệ thống cổng thông tin chính phủ, hỗ trợ nhận diện khuôn mặt và hỗ trợ ngành vận tải.**Câu 2:**Do đặc trưng của công nghệ AI là năng lực "tự học" của máy tính, có thể tự phán đoán, phân tích trước các dữ liệu mới mà không cần sự hỗ trợ của con người, đồng thời óc khả năng xử lí dữ liệu với số lượng rất lớn ở tốc độ cao, có khả năng tự học và phát triển, đưa ra các lập luận để giải quyết vấn đề...**Câu 3:**Theo em AI không thể thay thế hoàn toàn con người trong công việc. Vì:* Đúng là đã có những robot được phát triển trí thông minh nhân tạo để đọc các tín hiệu cảm xúc, nhưng chúng không thể thay thế con người, nhất là trong các tình huống phức tạp. Chúng có thể ghi nhận cảm xúc, nhưng xây dựng mối quan hệ và thể hiện sự đồng cảm với khách hàng, với đồng nghiệp lại là câu chuyện khác. Vì robot không thể tận dụng và hiểu tâm lí như con người, chúng sẽ không thể đặt ra vấn đề và tìm cách giải quyết vấn đề như những chuyên gia thiết kế sản phẩm, quảng cáo và tiếp thị đang làm.
* Về mặt kĩ thuật, tự động hóa đã bắt đầu tiếp quản nhiều nơi làm việc, nhưng doanh nghiệp vẫn cần con người để giám sát nó. Ví dụ như vị trí kế toán hoặc bộ phận hành chính, ở vị trí này nhân sự có thể sử dụng một chương trình để theo dõi doanh thu và chi phí. Nhưng điều gì sẽ xảy ra khi chương trình đó bị treo, có lỗi hệ thống? Chủ doanh nghiệp sẽ chuyển sang sử dụng một phần mềm hoặc quy trình tự động khác ngay không?
* Câu trả lời là không, họ cần một người có chuyên môn để phát hiện sai sót, sử dụng những kĩ năng, kinh nghiệm có sẵn để sửa chữa, kiểm tra thiệt hại. Để quản lí nhân viên thì máy tính hay tự động hóa đơn giản không thể thay thế con người.
* Có thể nhiều người đã thấy những tin tức về việc robot giao tiếp với nhau, thậm chí là giao tiếp với con người. Nhưng chúng vẫn không thể hoàn toàn thay thế con người, bao gồm cả đối nội trong công ty lẫn đối ngoại với đối tác, khách hàng.

**Câu 4:**Sự phát triển của AI mang đến những thuận lợi và thách thức:- Thuân lợi:* Trí tuệ nhân tạo có thể xử lí khối lượng lớn công việc. Với dữ liệu lớn hơn, nhiều vấn đề hơn cũng như công nghệ AI có thể đưa ra những dự đoán chính xác hơn con người. Đây là một lợi thế lớn của công nghệ AI hiện nay.
* Nhận dạng giọng nói: Hầu hết mọi người đều biết cách gọi Siri khi họ cần chỉ đường hoặc hỏi Alexa trong ngôi nhà thông minh của họ để đặt hẹn giờ.
* Ô tô tự lái: Máy học và nhận dạng hình ảnh được sử dụng trong các phương tiện tự điều khiển để giúp phương tiện hiểu được môi trường xung quanh và có thể phản ứng tương ứng.
* Chatbots: Nhiều công ty đang sử dụng trí tuệ nhân tạo để cải thiện đội ngũ dịch vụ khách hàng của họ.
* Mua sắm trực tuyến: Một hệ thống mua sắm trực tuyến sử dụng các thuật toán để tìm hiểu về sở thích của bạn và dự đoán những gì bạn muốn mua.
* Dịch vụ phát trực tuyến: Khi người dùng ngồi xem chương trình truyền hình yêu thích hoặc nghe bản nhạc yêu thích, họ có thể nhận được những gợi ý thú vị khác dựa trên sở thích.
* Chăm sóc sức khỏe: Trí tuệ nhân tạo đang đóng một vai trò to lớn trong công nghệ chăm sóc sức khỏe dựa trên các công cụ mới có thể chẩn đoán, phát triển thuốc, theo dõi bệnh nhân,…
* Hệ thống nhà xưởng, kho bãi: Ngành vận chuyển và bán lẻ sẽ không giống nhau nhờ các phần mềm được liên kết với trí tuệ nhân tạo
* Giáo dục: Những thứ như trình kiểm tra đạo văn và công cụ tìm kiếm trích dẫn có thể giúp giáo viên và học sinh sử dụng trí tuệ nhân tạo để cải thiện bài báo và nghiên cứu.

- Thách thức: Sử dụng AI rất tốn kém khi phải xử lý lượng lớn dữ liệu cần thiết cho lập trình AI. Khả năng giải thích sẽ là rào cản đối với việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong các lĩnh vực hoạt động theo các yêu cầu tuân thủ quy định nghiêm ngặt. Đây là câu trả lời cho câu hỏi về những hạn chế của công nghệ AI là gì? Bởi vì công nghệ này mới và rất phát triển, không phải ở tất cả các quốc gia đều sử dụng AI.-> Để thích nghi với hoàn cảnh ấy thì người trẻ cần chú ý, tập trung vào học tập, phát triển bản thân để có thể thích nghi cũng như làm chủ được công nghệ đó. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Luyện tập các kĩ năng thiết yếu, củng cố kiến thức cho HS.

**b. Nội dung:** Tổ chức cuộc thi thể hiện những hiểu biết của em về những công nghệ AI đnag được phát triển và ứng dụng trong cuộc sống hiện nay.

**c. Sản phẩm:** Phần tham gia đóng góp kiến thức của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**GV tổ chức cuộc thi thể hiện những hiểu biết của em về những công nghệ AI đnag được phát triển và ứng dụng trong cuộc sống hiện nay. HS đại diện tổ để trình bày hiểu biết về các công nghệ AI hiện đại mà em biết.**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận theo tổ theo hướng dẫn của GV.**B3. Báo cáo thảo luận**HS trình bày và đóng góp kiến thức cho các bạn khác.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**GV ghi nhận đóng góp kiến thức của HS. | - HS làm luyện tập theo sự hướng dẫn của GV. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Rèn kĩ năng viết dựa trên kiến thức đã được học từ văn bản.

**b. Nội dung:** Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của bản thân về công nghệ AI.

**c. Sản phẩm:** Bài văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV giao BTVN yêu cầu mỗi HS viết một đoạn văn 150 chữ trình bày suy nghĩ của bản thân về công nghệ AI.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thực hiện nhiệm vụ theo định hướng của GV.

**B3. Báo cáo thảo luận**

HS nộp lại bài làm vào tiết học sau.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

GV nhận xét, góp ý nội dung bài làm của HS.

**BÀI 2: HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI**

**ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI VÀ ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM**

**(Hoạt động báo cáo sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại và đọc kết nối chủ điểm)**

**a. Mục tiêu:** Báo cáo sản phẩm đọc mở rộng theo thể loại và đọc kết nối chủ điểm tại lớp.

**b. Sản phẩm:** Phần trình bày kết quả đọc của HS.

**c. Tổ chức thực hiện**

***\* Giao nhiệm vụ học tập***

GV yêu cầu HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà; chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.

***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập***

HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện.

***\* Báo cáo thảo luận***

HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc với bạn cùng nhóm đôi, sau đó chia sẻ trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

***\* Kết luận, nhận định***

Với VB *Hình tượng con người chinh phục thế giới trong “Ông già và biển cả”*, GV nhận xét, đánh giá kĩ năng đọc VB nghị luận của HS, sau đó gợi ý câu trả lời:

**Câu 1:** HS vẽ sơ đồ thể hiện luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong VB dựa vào gợi ý sau:

* Luận đề: Hình tượng ông lão đánh cá trong tác phẩm tượng trưng cho người chinh phục thiên nhiên, suy rộng ra, đó là biểu tượng con người chinh phục thế giới.
* Luận điểm 1: Cuộc chiến của ông lão với con cá khổng lồ là cuộc chiến gay go và ngoan cường, khẳng định sức mạnh cả tinh thần và thể chất của con người.
* Luận điểm 2: Ý nghĩa của việc ông lão chiến thắng con cá kiếm.

**Câu 2:** HS căn cứ vào sơ đồ đã thực hiện ở câu 1 để chỉ phân tích lí lẽ, bằng chứng mà bản thân ấn tượng.

**Câu 3:**

**Mục đích viết của VB:** Thuyết phục người đọc về ý nghĩa của hình tượng ông lão đánh cá trong tác phẩm *Ông già và biển cả*.

Thái độ, tình cảm: Sự nể phục, niềm yêu thích trước hình tượng ông lão đánh cá trong tác phẩm *Ông già và biển cả*.

**Câu 4:** HS chỉ ra các yếu tố thuyết minh, tự sự, miêu tả trong VB và nêu tác dụng của các yếu tố ấy dựa vào bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Yếu tố** | **Một số ví dụ thể hiện trong văn bản** | **Tác dụng** | **Mục đích chung** |
| **Thuyết minh** | Cung cấp tri thức về Ơ nít-xơ-tơ Hê-minh-uây và tác phẩm *Ông già và biển cả* (đoạn đầu VB). | Cung cấp tri thức về bối cảnh để người đọc hiểu hơn về các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong VB. |  |
| **Tự sự** | “ông lão vẫn kiên cường không bỏ cuộc” “ông lão luôn tự động viên mình”, “ông lão đã chiến thắng”… | Trình bày các sự việc để người đọc hiểu hơn về quá trình ông lão bắt con cá kiếm (các bằng chứng trong VB). | Thuyết phục người đọc về các luận điểm và các luận đề của VB (góp phần thực hiện mục đích viết của VB). |
| **Miêu tả** | “ông lão đã quá già, “ông gần như kiệt sức”, “ông mệt mỏi và suy sụp”… | Giúp người đọc hình dung rõ hơn về hình tượng ông lão đánh cá và con cá kiếm (các bằng chứng trong VB). |

**Câu 5:** HS bày tỏ quan điểm cá nhân. GV có thể tổ chức theo hình thức thảo luận nhóm đôi (think - pair – share), tranh luận ngắn, ghi nhận và tổng kết những ý kiến hay, đáng chú ý.

*\* Với VB Công nghệ AI của hiện tại và tương lai, GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, sau đó gợi ý trả lời:*

**Câu 1:** HS căn cứ vào nhan đề VB và đề mục của các phần để thực hiện tóm tắt nội dung.

Gợi ý: VB đề cập đến những ứng dụng của Al trong hiện tại và tương lai.

**Câu 2:** HS đọc quét tìm thông tin trong VB. Chú ý vào đoạn văn đầu tiên.

Gợi ý: Al có được khả năng vượt trội và ứng dụng vào nhiều lĩnh vực khác nhau trong đời sống vì có khả năng “tự học”, có thể tự phán đoán, phân tích dữ liệu với số lượng rất lớn ở tốc độ cao; có khả năng thích nghi, tự học, tự phát triển, đưa ra lập luận để giải quyết vấn đề, có thể giao tiếp như con người,...

**Câu 3 và câu 4**: HS có quyền trình bày ý kiến theo quan điểm của bản thân. Nếu cần, GV có thể tổ chức tranh luận ngắn và tổng kết những ý kiến hay, đáng lưu ý.

**BÀI 2: HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI**

**PHẦN 3. VIẾT**

**Tiết …..: VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Viết được văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội: trình bày rõ quan điểm và hệ thống các luận điểm; cấu trúc chặt chẽ, có mở đầu và kết thúc gây ấn tượng; sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.

**2.Về năng lực**

**a. Năng lực chung**

 NL giao tiếp, hợp tác: biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

**b. Năng lực riêng biệt:**

+ NL tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài; năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân; năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất**

Có ý thức, trách nhiệm trong quá trình thực hiện viết một VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học liệu:**

SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ: Không**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Xác định được nhiệm vụ viết.

**b. Nội dung:** Viết một VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS nêu một vấn đề xã hội nổi trội.- Trình bày được quan điểm cá nhân về vấn đề đó.**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS lắng nghe yêu cầu của GV.- Hs có suy nghĩ đúng để trả lời.**B3. Báo cáo thảo luận:** - GV mời 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. - GV yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét, đánh giá. | **-** Môi trường: Ô nhiễm.- Đạo đức, lối sống: Bạo lực học đường. |

.- GV dẫn vào bài học: *Cả lớp vừa được nghe các bạn chia sẻ về các vấn đề xã hội và đưa ra được các quan điểm đúng đắn của các bạn. Để thể hiện quan điểm về một vấn đề xã hội, chúng ta có thể viết bài nghị luận. Cụ thể như thế nào, lớp mình cùng nhau đi vào bài học hôm nay với nội dung: Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a.Mục tiêu:**

+ Nhận biết được đặc điểm văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

+ Yêu cầu hiểu đúng hướng về kiểu bài về văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

**b. Nội dung:** Viết một VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV chia lớp thành 4 nhóm và yêu cầu:+ Các nhóm tìm hiểu về tri thức kiểu bài.+ Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện lại tri thức về kiểu bài nghị luận xã hội.(Phiếu giao bài về nhà chuẩn bị- HS trình bày trước lớp)**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- Các nhóm tìm hiểu về tri thức kiểu bài.- Vẽ sơ đồ tư duy.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời đại diện các nhóm trình bày sơ đồ tư duy trước lớp.- GV yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung****\* Khái niệm:**Nghị luận về một vấn đề xã hội là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ về một vấn đề xã hội (một ý kiến, một tư tưởng đạo lí hay một hiện tượng xã hội), giúp người đọc nhận thức đúng về vấn đề và có thái độ, giải pháp phù hợp đối với vấn đề đó.**\* Yêu cầu đối với kiểu văn bản:**- Có luận điểm rõ ràng, chặt chẽ, thể hiện quan điểm của người viết về vấn đề.- Đưa ra hệ thống lí lẽ, bằng chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ, để làm sáng tỏ luận điểm.- Nêu và phân tích, trao đổi về các ý kiến trái chiều.- Bố cục bài viết gồm ba phần:Mở bài: Giới thiệu vấn đề xã hội cần bàn luận, thể hiện rõ quan điểm của người viết về vấn đề đó.Thân bài: Trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ cho quan điểm của người viết, phản biện các ý kiến trái chiều.Kết bài: Khẳng định lại quan điểm của người viết về vấn đề, đưa ra những đề xuất giải pháp phù hợp. |

**Nội dung 2: Phân tích ngữ liệu tham khảo**

**a. Mục tiêu:**

+ Nhận biết được đặc điểm văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

+ Yêu cầu hiểu đúng hướng về kiểu bài về văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

**b. Nội dung:** Viết một VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

**d.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV lần lượt cho HS thực hiện yêu cầu: Phân tích văn bản: Tầm quan trọng của việc học phương pháp học.**Câu 1 (trang 50 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Bài viết bàn về vấn đề gì? Nhận xét của bạn về hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.**Câu 2 (trang 50 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Tóm tắt nội dung phần mở bài, thân bài, kết bài.**Câu 3 (trang 50 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Bài viết đã sử dụng những cách thức nào để phần mở bài và kết bài gây ấn tượng?**Câu 4 (trang 50 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Cách lập luận của tác giả khi trao đổi với ý kiến trái chiều có gì đáng lưu ý?**Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe và nhận xét.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Phân tích ngữ liệu tham khảo****Câu 1 (trang 50 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):**Bài viết bàn về vấn đề gì? Nhận xét của bạn về hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.**Trả lời:**- Bài viết bàn luận về việc lựa chọn phương pháp học phù hợp.- Hệ thống các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản chặt chẽ, có tính thuyết phục cao; thu hút được người đọc, người nghe. **Câu 2 (trang 50 sgk Ngữ văn lớp 11 Tập 1 – Chân trời sáng tạo):** Tóm tắt nội dung phần mở bài, thân bài, kết bài.**Trả lời:**- Tóm tắt mở bài: Tất cả chúng ta đều suốt đời học tập trong nhiều lĩnh vực khác nhau, nhưng không phải ai cũng thành công. Và yếu tố quan trọng, quyết định cho sự thành công hay thất bại của chúng ta phần lớn là do cách chúng ta lựa chọn phương pháp học.- Tóm tắt thân bài: Học phương pháp là học các kĩ năng, cách thức để tiếp thu tri thức nhanh nhất và hiệu quả. Theo Prit-men, mỗi quốc gia, mỗi cá nhân cần có sự khôn ngoan và phương pháp tối ưu để nắm bắt các thành tựu khoa học công nghệ của thế giới. Hay Hen-ri A- đam-xơ cũng đã từng khẳng định rằng “Biết cách học là đủ chứng tỏ bạn là người thông thái”. Một phương pháp học tập sai lầm sẽ khiến tốn thời gian mà việc học không hiệu quả. Ngược lại, khi nhận ra những điểm chưa hợp lí trong phương pháp học mà điều chỉnh, ta sẽ tiến bộ rõ rệt. Cũng có ý kiến “Chỉ cần học thuộc những gì thầy cô trên lớp dạy đi thi được điểm tốt là được, tại sao cần phương pháp học?”. Mục đích của việc học là để hoàn thiện con người, trau dồi tri thức, không phải vì điểm số.- Tóm tắt kết bài: Vậy để thành công, mỗi chúng ta cần hình thành cho mình những phương pháp học tập hiệu quả, phù hợp với khả năng và mục tiêu của bản thân. Như Phrăng- xít Bây – cơn đã nói “Tri thức là sức mạnh”.**Câu 3:** Phần mở bài và kết bài gây ấn tượng bằng cách đưa những nhận định của những người nổi tiếng vào để dẫn dắt, đưa ra vấn đề cho bài viết nghị luận. Cách gây ấn tượng này giúp cho bài viết trở nên có tính xác thực, chính xác, thuyết phục, đáng tin cậy hơn. Đồng thời những nhận định ấy còn làm cho bài viết thu hút người đọc, biến bài nghị luận khô khan trở nên thú vị, hấp dẫn hơn.**Câu 4:** Cách lập luận của tác giả khi trao đổi với ý kiến trái chiều: tác giả nêu sự không đồng tính với ý kiến theo quan điểm của mình. Tác giả không phản đối gay gắt, mà sử dụng “theo tôi”. Sau khi đưa ra quan điểm không đồng ý, tác giả lí giải lí do vì sao không đồng tình. Cách đưa ra 1 ý kiến và bàn luận về ý kiến đó giúp cho bài viết nghị luận trở nên thuyết phục, có độ tin cậy cao. |

**Nội dung 3: Thực hành viết theo quy trình**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được những thao tác cần làm, những lưu ý khi thực hiện các bước trong quy trình viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**b. Nội dung:** Viết một VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**c. Sản phẩm:** Quy trình viết VB nghị luận về một vấn đề xã hội (theo PHT).

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuẩn bị viết***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK về quy trình viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.GV nêu câu hỏi hướng dẫn, định hướng cho HS chuẩn bị trước khi viết.- Yêu cầu 1 HS nhắc lại đề bài: *Hãy viết văn bản nghị luận trình bày ý kiến về một trong những vấn đề sau:**+ Những tấm gương vượt khó vươn lên trong học tập.**+ Học tập có phải là con đường duy nhất đến thành công.**+ Có phải lúc nào cũng luôn theo đuổi đam mê.**+ Chọn lựa nghề nghệp nghe theo cha mẹ hay tự mình quyết định.**GV Chia lớp thành 3 nhóm - (Phiếu học tập)**- GV yêu cầu HS: Tìm đề tài cho bài viết: Liệt kê những vấn đề mà các em quan tâm vào mẫu – Sau đó chọn 1 vấn đề đã tìm để lập dàn ý, viết bài.* *Nhóm 1: Vấn đề gia đình.**Nhóm 2: Vấn đề trong nhà trường.**Nhóm 3: Vấn đề ngoài xã hội.***Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS lắng nghe yêu cầu của GV.- HS đọc chuẩn bị viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời 1 – 2 HS nêu lại bước chuẩn viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | ***1. Chuẩn bị viết****- Xác định đề tài, mục đích viết, đối tượng người đọc.**- Xác định mục đích viết, đối tượng người đọc.**- Thu thập tư liệu.* |

***\* Tìm ý và lập dàn ý***

*- Tìm ý: Luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng.*

*+ Luận điểm của vấn đề nghị luận?Vấn đề cần bàn luận?*

*+ Những lí lẽ, bằng chứng nào làm sáng tỏ luận điểm?*

*+ Có những ý kiến trái chiều nào về vấn đề ? Phản biện ý kiến như thế nào?*

***Gợi ý:***

**-** Niềm đam mê trong cuộc sống.

**-** Vai trò của niềm đam mê giúp ta thực hiện mục tiêu trong cuộc sống.

- Tấm gương tiêu biểu thành công nhờ đam mê: Newton, Ê-đi-xơn.

- Thiếu đam mê ta dễ dàng bỏ cuộc, thất bại trong cuộc sống.

**\* Lập dàn ý:**

*- Lập dàn ý: Sắp xếp các ý đảm bảo yêu cầu bố cục, kiểu bài (xem sơ đồ -SGK- Dàn ý bên dưới)*

**-** *Sắp xếp bố cục như thế nào? Trong mỗi phần sẽ triển khai nội dung gì?*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- GV giao đề bài cho HS (vừa đọc to, vừa ghi lên bảng).- HS nhớ lại nhiệm vụ của 3 phần trong khi lập dàn ý cho đề bài đã chọn.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS đọc yêu cầu của đề bài.- HS viết bài theo quy trình (chú ý bảng kiểm để nắm được các yêu cầu kĩ năng viết bài - Bên dưới)**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời 1 – 2 HS đọc dàn ý và đoạn mở bài, kết bài trước lớp.- GV yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, góp ý cho HS. | ***2. Tìm ý và lập dàn ý*** |

***Lập dàn ý***

**1. Mở bài**

Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận: Theo đuổi đam mê, thành công sẽ theo đuổi bạn.

**2. Thân bài**

**- Giải thích:**
+ "Đam mê": là những mong muốn, khát khao cháy bỏng về một kết quả, mục tiêu nào đó trong cuộc sống, công việc, tình cảm. Chỉ cần có đam mê, quyết tâm theo đuổi những mục tiêu, lí tưởng thì thành công sẽ mỉm cười với bạn.

**- Vai trò của đam mê:**
+ Người có đam mê sẽ kiên trì với những mục tiêu, ước mơ của bản thân mà không bị dao động bởi những khó khăn, thử thách trong quá trình thực hiện.
+ Đam mê thắp lên ngọn lửa nhiệt huyết trong trái tim mỗi người, đó cũng là nguồn sức mạnh to lớn giúp con người mạnh mẽ đối mặt với những khó khăn, thử thách.
+ Đam mê là "đôi tay" nâng đỡ chúng ta khỏi những thất bại và cảm xúc tiêu cực khi đối mặt với những kết quả không mong muốn.
+ Giúp con người mạnh mẽ, kiên định hơn với con đường mà mình đã lựa chọn.
+ Đam mê mang đến tình yêu, sự nhiệt huyết trong công việc, qua đó khám phá ra những năng lực, khả năng tiềm ẩn, phá vỡ những giới hạn của bản thân để tự hoàn thiện và phát triển.
+ Đam mê không chỉ đưa chúng ta đến với thành công mà còn giúp chúng ta sống có ích, không hoài phí tuổi trẻ.

**- Dẫn chứng**:
+ Đưa ra những dẫn chứng cụ thể , theo đuổi đam mê và thành công: Newton, Ê-đi-xơn, .....

+ Tuổi trẻ ngày nay: Học sinh, sinh viên thành công với những sáng chế khoa học.

**- Phản đề:**
+ Thiếu đi đam mê chúng ta sẽ dễ dàng chán nản, từ bỏ và không thể đi đến chặng đường cuối cùng của thành công.
+ Có rất nhiều người sống không có lí tưởng, không có đam mê hay chăng có nhưng đam mê tầm thường.

**- Bài học**: Hãy sống hết mình với đam mê vì khi bạn theo đuổi đam mê thì thành công sẽ đến với bạn.

**3. Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề, nêu giải pháp.

**\* Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
|  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**- HS hoàn thành phần viết dựa vào dàn ý.**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**- HS viết bài theo quy trình (chú ý bảng kiểm để nắm được các yêu cầu kĩ năng viết bài).**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**- GV mời 1 – 2 HS đọc bài viết.- GV yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**- GV nhận xét, đánh giá, góp ý cho HS. | **3. Viết bài****4. Xem lại, chỉnh sửa** |

***\* Viết bài (Tham khảo). Vai trò đam mê trong cuộc sống***

Ralph Emerson “Đam mê có khả năng tái tạo thế giới cho những người trẻ tuổi. Nó khiến cho mọi thứ trỏ nên sống động và có ý nghĩa”. Điều đó chứng tỏ rằng, có đam mê chúng ta sẽ có động lực để thực hiện được ước mơ, hoài bão của mình và rồi ta sẽ thành công. Vậy thì tại sao, bản thân mỗi người lại không thể vẽ ra cho mình một đam mê và ước muốn cống hiến mình vì niềm đam mê đó.

Đam mê là một cái gì đó lớn lao hơn sở thích và niềm vui. Sở thích có thể thay đổi tùy theo hoàn cảnh, tùy theo trạng thái nhưng đam mê thì không. Nó bền bỉ và gắn kết với con người một cách keo sơn khó có thể thể tách rời. "Đam mê": là những mong muốn, khát khao cháy bỏng về một kết quả, mục tiêu nào đó trong cuộc, công việc, tình cảm. Chỉ cần có đam mê, quyết tâm theo đuổi những mục tiêu, lí tưởng thì thành công sẽ mỉm cười với bạn.

Cũng giống như ý chí và nghị lực, đam mê có vai trò vô cùng quan trọng là động lực để con người vượt qua mọi khó khăn, rào cản để đến với niềm khát khao của mình. Vì có đam mê, chúng ta sẽ không sợ bất kì thử thách nào cả, dù nó có khó khăn và vất vả đến đâu, ta cũng sẽ cố gắng để vượt qua. Đam mê là đòn bẩy, là động lực để con người vươn xa hơn và cao hơn trời bầu trời mơ ước. Cũng nhờ có đam mê mà con người phát huy được hết những khả năng tiềm tàng của mình. Người có đam mê sẽ kiên trì với những mục tiêu, ước mơ của bản thân mà không bị dao động bởi những khó khăn, thử thách trong quá trình thực hiện. Đam mê thắp lên ngọn lửa nhiệt huyết trong trái tim mỗi người, đó cũng là nguồn sức mạnh to lớn giúp con người mạnh mẽ đối mặt với những khó khăn, thử thách. Đam mê là "đôi tay" nâng đỡ chúng ta khỏi những thất bại và cảm xúc tiêu cực khi đối mặt với những kết quả không mong muốn. Giúp con người mạnh mẽ, kiên định hơn với con đường mà mình đã lựa chọn. Đam mê mang đến tình yêu, sự nhiệt huyết trong công việc, qua đó khám phá ra những năng lực, khả năng tiềm ẩn, phá vỡ những giới hạn của bản thân để tự hoàn thiện và phát triển. Đam mê không chỉ đưa chúng ta đến với thành công mà còn giúp chúng ta sống có ích, không hoài phí tuổi trẻ. Niềm đam mê vẽ ra một con đường đi cho tương lai, và cuộc đời ta sẽ dấn mình và theo đuổi con đường ấy đến khi nào ta chạm đến cuối đường. Chúng ta, với đam mê cháy bỏng, sẽ không bao giờ bỏ cuộc giữa chừng dù cho đường đi có muôn vàn chông gai, thử thách. Đôi chân như được tiếp thêm sức mạnh, nó không biết mỏi, không biết đau mà chỉ hừng hực khí thế tiến về phía trước. Niềm đam mê quả thật là rất cần thiết và có ý nghĩa lớn lao trong cuộc đời mỗi con người.

Giống như Bác Hồ đã từng nói:

Không có việc gì khó
 Chỉ sợ lòng không bền

Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên

Niềm đam mê sẽ cho ta sức mạnh để vượt qua những gian nan, thử thách. Nó là nguồn động lực để ta không ngừng cố gắng hoàn thiện mình, cố gắng trau dồi kiến thức để thực hiện ước mơ. Có những người, cả cuộc đời chỉ theo đuổi một niềm đam mê duy nhất. Tuy khó khăn nhưng chưa bao giờ họ nản chí như Newton, Ê-đi-xơn, Bill Gate đã vượt qua những khó khăn, thất bại để đem đến những thành tựu khoa học vĩ đại cho nhân loại. Đam mê như là cái đích của cuộc sống và theo đuổi đam mê là hành trình mà con người đi tìm ý nghĩa của bản thân đối với cuộc sống này.

Tuy nhiên trong cuộc sống vẫn có người sống không có hoài bão, không có ước mơ và đam mê thấy khó khăn họ chán nản, buông xuôi từ bỏ công việc. Những con người ấy thật tầm thường và nhỏ bé. Không có đam mê, không có hoài bão cũng chính là một cuộc sống không có tương lai. Dù nhỏ bé hay lớn lao, dám ước mơ và thực hiện ước mơ mới là bản lĩnh của một con người thực thụ. Chưa đi đã sợ không đến đích, chưa làm đã sợ mình không làm được. Nếu cứ suy nghĩ như vậy thì bạn mãi chỉ có thể dậm chân một chỗ, không những không tiến được mà còn thụt lùi. Tất cả những mơ ước cũng chỉ là ước mơ, vẽ ra rồi để đấy. Niềm đam mê và được hết mình vì đam mê là một ý nghĩa lớn lao của cuộc sống. Có đam mê ắt sẽ có những nỗ lực để đi đến thành công.

 Như vậy đam mê là nguồn lực cần có ở mỗi người. Có đam mê ắt chúng ta sẽ có được thành công. Đam mê vẫn là ngọn lửa rực cháy trong trái tim mỗi người .Chúng ta sẽ không ngừng cố gắng vì đam mê và cũng sẽ không bao giờ hối hận vì bản thân mình đã dám đam mê, hãy làm cho cuộc sống này có một hướng đi đúng đắn. Đam mê sẽ luôn theo bạn đến suốt cuộc đời và nó làm cho cuộc sống của bạn rực rỡ sắc màu hơn.

***\* Xem lại và chỉnh sửa***

 **Đọc và chỉnh sửa bài viết theo bảng kiểm**

**Bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung kiềm tra** | **Đạt** | **Không đạt** |
| **Mở bài** | Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| Nêu khái quát quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| **Thân bài** | Giải thích được vấn đề cần bàn luận. |  |  |
| Trình bày hệ thống luận điểm thể hiện quan điểm của người viết. |  |  |
| Nêu được những lí lẽ thuyết phục đa dạng để làm sáng tỏ luận điểm. |  |  |
| Nêu được những bằng chứng đầy đủ, phù hợp, xác đáng để làm sáng tỏ lí lẽ.  |  |  |
| Trao đổi với các ý kiến trái chiều một cách hợp lí. |  |  |
| **Kết thúc** | Khẳng định lại quan điểm của bản thân. |  |  |
| Đề xuất giải pháp bài học phù hợp. |  |  |
| **Kĩ năng trình bày, tương tác với người khác** | Có mở bài có kết bài gây ấn tượng. |  |  |
| Sắp xếp luận điểm, lí lẽ bằng chứng hợp lí. |  |  |
| Diễn đạt rõ ràng, rành mạch không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. |  |  |

**\*. Kết luận**

**GV: Từ bài viết của mình rút ra kinh nghiệm gì khi viết văn bản nghị luận về vấn đề xã hội**

**1. Đọc kĩ đề**

- Mục đích: Hiểu rõ yêu cầu của đề, phân biệt được tư tưởng đạo lí hay hiện tượng đời sống.

- Phương pháp xác định: Đọc kĩ đề, gạch chân dưới từ, cụm từ quan trọng để giải thích và xác lập luận điểm cho toàn bài. Từ đó có định hướng đúng mà viết bài cho tốt.

**2. Lập dàn ý**

- Giúp ta trình bày văn bản khoa học, có cấu trúc chặt chẽ, hợp logic.

- Kiểm soát được hệ thống ý, lập luận chặt chẽ, mạch lạc.

- Chủ động dung lượng các luận điểm phù hợp, tránh lan man, dài dòng.

**3. Dẫn chứng phù hợp**

- Không lấy những dẫn chứng chung chung.

- Dẫn chứng phải có tính thực tế và thuyết phục (người thật, việc thật).

- Đưa dẫn chứng phải thật khéo léo và phù hợp (tuyệt đối không kể lể dài dòng).

**4. Lập luận chặt chẽ, lời văn cô đọng, giàu sức thuyết phục**

- Lời văn, câu văn, đoạn văn viết phải cô đúc, ngắn gọn.

- Lập luận phải chặt chẽ.

- Cảm xúc trong sáng, lành mạnh.

- Để bài văn thấu tình đạt lý thì phải thường xuyên tạo lối viết song song (đồng tình, không đồng tình; ngợi ca, phản bác…).

**5. Bài học nhận thức và hành động**

- Sau khi phân tích, chứng minh, bàn luận… thì phải rút ra cho mình bài học.

- Thường bài học cho bản thân bao giờ cũng gắn liền với rèn luyện nhân cách cao đẹp, đấu tranh loại bỏ những thói xấu ra khỏi bản thân, học tập lối sống…

**6. Độ dài cần phù hợp với yêu cầu đề bài**

- Khi đọc đề cần chú ý yêu cầu đề (hình thức bài làm là đoạn văn hay bài văn, bao nhiêu câu, bao nhiêu chữ…) từ đó sắp xếp ý tạo thành bài văn hoàn chỉnh.

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Xác định được nhiệm vụ viết.

**b. Nội dung:** Viết một VB nghị luận về một vấn đề xã hội.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chọn vấn đề xã hội nổi bật nhất thực hiện theo các bước đã hướng dẫn.

- GV mời 1 – 2 HS lên bảng lập dàn ý.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe yêu cầu của GV.

- HS lập dàn ý.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu một số HS nhận xét bài của các bạn trên bảng.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá.

**4. Củng cố:**

- Nắm được bảng kiểm kĩ năng viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội.

- Cần: có mở bài có kết bài gây ấn tượng; Sắp xếp luận điểm, lí lẽ bằng chứng hợp lí; diễn đạt rõ ràng, rành mạch không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.

**5. HDVN:**

- Bài cũ: Học nội dung phần lí thuyết, kinh nghiệm khi viết văn nghị luận xã hội.

- Bài mới: Chuẩn bị Bài nói – nghe.

**PHIẾU HỌC TẬP**

1. Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện lại tri thức về kiểu bài nghị luận xã hội **(**Giao bài về nhà).

2. Liệt kê những vấn đề mà các em quan tâm vào mẫu.

 *Chia lớp thành 3 nhóm (Mỗi nhóm liệt kê 1 chủ đề)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vấn đề gia đình** | **Vấn đề trong nhà trường**  | **Vấn đề ngoài xã hội** |
| **.......................** |  |  |

***Ví dụ*** *: HS điền vào phiếu của nhóm*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vấn đề gia đình** | **Vấn đề trong nhà trường**  | **Vấn đề ngoài xã hội** |
| **-** Yêu thương, quan tâm, chia sẻ.- Cách giáo dục, nuôi dạy con cái.- Bạo lực gia đình.- Áp lực của gia đình trong thành tích học tập của con.................. | - Thi cử, bạo lực....- Đam mê học tập.- Tầm quan trọng của động cơ học tập ...... | - Giáo dục- Giao thông................- Môi trường sống - Vấn đề khác…- Phẩm chất: Lòng dũng cảm, ý chí, niềm tin, nghị lực. |

3. Lập dàn ý cho chủ đề : Tầm quan trọng của gia đình trong cuộc sống

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở bài** | Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận. |
| Nêu khái quát quan điểm của người viết về vấn đề cần bàn luận. |
| **Thân bài** | Giải thích được vấn đề cần bàn luận. |
| Trình bày hệ thống luận điểm thể hiện quan điểm của người viết . |
| Nêu được những lí lẽ thuyết phục đa dạng để làm sáng tỏ luận điểm. |
| Nêu được những bằng chứng đầy đủ, phù hợp, xác đáng để làm sáng tỏ lí lẽ.  |
| Trao đổi với các ý kiến trái chiều một cách hợp lí. |
| **Kết thúc** | Khẳng định lại quan điểm của bản thân. |
| Đề xuất giải pháp bài học phù hợp. |

Ngày soạn:

**BÀI 2: HÀNH TRANG VÀO TƯƠNG LAI**

**PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE**

**Tiết ….. TRÌNH BÀY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, BÌNH LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:** Học sinh biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội: kết cấu bài có ba phần rõ rằng; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ một cách đa dạng.

**2. Về năng lực:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân: Biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội: kết cấu bài có ba phần rõ rằng; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ một cách đa dạng.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất:** Có ý thức tự giác, tích cực trong việc học tập, rèn luyện để phát triển bản thân, quan tâm và xác định các mục tiêu phần đầu cho tương lai.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Học liệu:** SGV, SGK, SBT Ngữ văn 11, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
| **11A** |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS, nêu được các bước khi trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS: Khi trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội chúng ta cần thực hành theo mấy bước? Trình bày các bước đó.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.**B3. Báo cáo thảo luận:** - HS trình bày sản phẩm thảo luận- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** - GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ.- Dẫn dắt vào bài học mới: Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học bài trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội. | Khi trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội chúng ta cần thực hành theo ba mấy bước:Bước 1: Chuẩn bị nói.Bước 2: Trình bày bài nói.Bước 3: Trao đổi, đánh giá. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS biết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội: kết cấu bài có ba phần rõ rằng; có nêu và phân tích, đánh giá các ý kiến trái ngược sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ một cách đa dạng.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV yêu cầu HS đọc đề tài SGK trang 53 và trả lời câu hỏi:**Đề tài:** Bài viết của bạn được lựa chọn để tham gia buổi tọa đàm *Những góc nhìn cuộc sống*, trình bày ý kiến, quan điểm của học sinh về các vấn đề xã hội. Từ bài viết bạn hãy chuẩn bị nội dung bài nói đề tham gia buổi tọa đàm.- HS tiếp nhận nhiệm vụ.**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi. Đề tài bài nói đã được chuẩn bị ở phần Viết. Một số đề tài gợi ý:- Những tấm gương vượt khó vươn lên trong học tập.- Học đại học có phải là con đường duy nhất để thành công?- Có phải lúc nào cũng nên theo đuổi đam mê?- Chọn lựa nghề nghiệp: nghe theo cha mẹ hay tự mình quyết định?**B3. Báo cáo thảo luận:**- HS trình bày sản phẩm thảo luận.- GV gọi hs nhận xét, bổ sung ý kiến trình bày của bạn.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **1. Chuẩn bị nói*****- Xác định đề tài***Đề tài của bài nói đã được bạn chuẩn bị ở phần viết- Xác định mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian và thời gian nói:+ Mục đích nói chính là để thuyết phục người nghe về quan điểm của bạn trước một vấn đề xã hội.+ Đối tượng người nghe của bạn có thể là thầy cô, các bạn học sinh, ban chủ nhiệm câu lạc bộ, các khách mời...+ Không gian và thời gian nói: Bạn cần tìm hiểu xem buổi toạ đàm diễn ra trong không gian nào (hội trường, trước sân trường, trong phòng học...), thời gian trình bày bài nói là bao lâu? Từ đó, bạn chọn cách trình bày phù hợp: gần gũi, thân thiện hay trang trọng,***- Tìm ý và lập dàn ý***Bạn hãy chuyển dàn ý đã chuẩn bị ở phần Viết thành dàn ý cho bài nói, bằng cách:+ Đảm bảo kết cấu bài nói có ba phần rõ ràng: mở đầu, nội dung chính, kết thúc.+ Lựa chọn những luận điểm trọng tâm mà bạn tâm đắc nhất để trình bày. Tóm tắt hệ thống luận điểm dưới dạng sơ đồ để chủ động khi trình bày, giúp người nghe dễ dàng theo dõi nội dung.+ Sắp xếp, chỉnh sửa các lí lẽ, bằng chứng cho phù hợp với thời gian nói.+ Dự kiến các ý kiến trái chiều và chuẩn bị những phản hồi của bản thân.+ Chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ (hình ảnh, âm thanh, video clip...) hỗ trợ và dự tính cách khai thác các phương tiện ấy sao cho hiệu quả. Có thể phối hợp đa dạng phương tiện phi ngôn ngữ để bài nói trực quan, hấp dẫn hơn.***- Luyện tập:*** Bạn có thể luyện nói bằng cách đứng trước gương, tự ghi âm để nghe lại hoặc luyện tập với các bạn. Khi luyện tập, cần chú ý lựa chọn từ ngữ cho phù hợp với văn nói; sử dụng các từ nối để phần trình bày mạch lạc, rõ ràng; chú ý đến ngữ điệu nói và những khoảng ngắt, nghỉ để nhấn mạnh các nội dung chính của bài nói.**Bước 2: Trình bày bài nói**Khi trình bày, bạn nên dựa vào phần tóm tắt luận điểm đã chuẩn bị từ trước, kết nối bài nói với các phương tiện phi ngôn ngữ, chú ý tương tác với người nghe. **Bước 3: Trao đổi, đánh giá**Khi trao đổi với người nghe, bạn nên có thái độ cầu thị, nghiêm túc lắng nghe và ghi chép các ý kiến; lựa chọn một số câu hỏi, ý kiến quan trọng để phản hồi trong thời gian cho phép.Trong bước đánh giá, bạn sẽ có hai vai trò: người trình bày và người nghe. Trong vai trò người trình bày, bạn tự đánh giá bài nói của mình; trong vai trò người nghe, bạn đánh giá phần trình bày của thành viên khác trong lớp dựa vào bảng kiểm dưới đây:**Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung kiềm tra** | **Đạt** | **Không đạt** |
| **Mở đầu** | Lời chào ban đầu và tự giới thiệu (nếu cần). |  |  |
| Giới thiệu vấn đề cần trình bày. |  |  |
| Nêu khái quát nội dung bài nói. |  |  |
| **Nội dung chính** | Thể hiện rõ quan điểm của người nói về vấn đề xã hội cần bàn luận. |  |  |
| Trình bày hệ thống luận điểm rõ ràng, thuyết phục. |  |  |
| Đưa ra được những lí lẽ, bằng chứng thuyết phục, mạch lạc để làm rõ luận điểm. |  |  |
| Nêu và phân tích, đánh giá, trao đổi về các ý kiến trái chiều. |  |  |
| **Kết thúc** | Tóm lược nội dung đã trình bày và khẳng định lại quan điểm của mình. |  |  |
| Nêu vấn đề thảo luận và mời người nghe phản hồi, trao đổi; cảm ơn và kết thúc. |  |  |
| **Kĩ năng trình bày, tương tác với người khác** | Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp với nội dung bài nói. |  |  |
| Sử dụng hiệu quả, đa dạng các phương tiện phi ngôn ngữ. |  |  |
| Tương tác tích cực với người nghe. |  |  |
| Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe. |  |  |

 |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)**

**a. Mục tiêu:** Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe.

**b. Nội dung:** Thuyết trình về một vấn đề xã hội có kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

**c. Sản phẩm:**

**-** Bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

**-** Câu trao đổi với bài nói của người khác, phần trả lời các ý kiến phản biện của người nghe.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV cho HS tiếp tục làm việc theo cặp, luyện tập nói và nghe nghe về đề tài: Theo bạn, việc chủ động chuẩn bị những hành trang vào tương lai có ý nghĩa gì đối với các bạn trẻ hiện nay?**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**- HS làm việc theo cặp, luyện tập nói và nghe.**B3. Báo cáo thảo luận:**- GV mời 1 - 2 HS lên bảng nói trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe.- GV cho cả lớp tiến hành đánh giá bằng bảng kiểm.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi HS. | - Giới thiệu: Tầm quan trọng của việc chủ động chuẩn bị những hành trang vào tương lai đối với các bạn trẻ hiện nay.- Hành trang vào tương lai gồm: tri thức, kỹ năng, thói quen …- Tại sao việc chủ động chuẩn bị những hành trang vào tương lai đối với các bạn trẻ hiện nay có ý nghĩa quan trọng?+ Giúp các bạn tự tin và chủ động hơn.+ Hình thành những kĩ năng, kiến thức, thói quen cần có để phục vụ bản thân, gia đình và cộng đồng.+ Luôn chủ động trước mọi tình huống, thách thức của thời đại, xã hội.+ Không bị lạc hậu và thụt lùi với thời cuộc.- Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới bằng cách nào?- Đánh giá chung: Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe.

**b. Nội dung:** Thuyết trình về một vấn đề xã hội có kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

**c. Sản phẩm:**

**-** Bài thuyết trình về một vấn đề xã hội có kết hợp sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ.

**-** Câu trao đổi với bài nói của người khác, phần trả lời các ý kiến phản biện của người nghe.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**- GV yêu cầu HS tập thực hành nói và nghe về đề tài: Ý chí của con người.**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**- HS lắng nghe, về nhà chuẩn bị.**B3. Báo cáo thảo luận**- HS thực hiện vào tiết học sau.**B4. Đánh giá kết quả thực hiện**- GV nhận xét, đánh giá buổi học. | - Giới thiệu vấn đề: Ý chí là một trong những đức tính quý báu của con người mà ai cũng cần rèn luyện.- Ý chí của con người là sự nhẫn nại, cố gắng, quyết tâm vươn lên, theo đuổi mục tiêu của mình cho dù gặp nhiều khó khăn, trở ngại và vấp ngã.- Ý chí là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định đến thành công của con người; Nếu trong xã hội con người ai khi gặp khó khăn cũng bỏ cuộc thì xã hội sẽ không phát triển được như hiện nay, con người sẽ rơi vào bế tắc; Người có ý chí, nghị lực luôn là tấm gương sáng để chúng ta học tập và noi theo, giúp xã hội này tiến bộ hơn.- Dẫn chứngnhà giáo Nguyễn Ngọc Kí, chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà bác học Thomas Edison,…- Trong xã hội vẫn còn có nhiều người nóng vội, muốn đạt được thành quả nhanh chóng, lại có người dễ nản chí, bỏ cuộc khi gặp khó khăn,… những người này đáng bị xã hội chỉ trích, phê phán.- Khái quát và khẳng định lại tầm quan trọng của ý chí của con người đồng thời rút ra bài học, liên hệ bản thân. |

**4. Củng cố:** Cáchtrình bày ý kiến đánh giá, bình luận một vấn đề xã hội: Kết cấu bài có ba phần rõ rằng; có nêu và phân tích, đánh giá.

**5. HDVN:**

- Thực hành nói và nghe về đề tài: Ý chí của con người.

- Tham khảo các bài viết trình bày ý kiến đánh giá, bình luận về một vấn đề xã hội, sử dụng làm tư liệu học tập.